

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 398/2024/DS-ST

Ngày: 11-9-2024

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Chính.

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hoa.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Quý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2024, về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 152/2024/QĐST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1966.

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh T.

Đại diện ủy quyền: Nguyễn Xuân, sinh năm 1989.

Địa chỉ: P, thành phố M, tỉnh T.

- **Bị đơn:** Trần Văn X, sinh năm 1957.

Đỗ Thị Thanh T, sinh năm 1960.

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh T.

(Anh Q có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; ông X, bà T: vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim P; anh Nguyễn Xuân Q có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; theo đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai; anh Q trình bày:

Ngày 24/02/2018, bà Nguyễn Thị Kim P cho ông Trần Văn X và bà Đỗ Thị Thanh T mượn 63.000.000 đồng, có làm giấy viết tay. Ông X, bà T có trả dần tiền cho bà P được 16.400.000 đồng. Tính từ ngày 30/12/2023 ông X, bà T còn lại bà P 46.600.000 đồng. Bà P nhiều lần yêu cầu ông X và bà T trả tiền, nhưng không trả.

Anh Q (đại diện theo ủy quyền của bà P) yêu cầu ông X, bà T liên đới trả lại cho bà P 46.600.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 19/4/2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại phiên tòa, cũng như trong các lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn ông Trần Văn X và bà Đỗ Thị Thanh T vắng mặt không rõ lý do, cũng không có văn bản thể hiện ý kiến.*

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P. Buộc ông X và bà T liên đới trả cho bà P 46.600.000 đồng và lãi suất; trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xác định quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”. Căn cứ, giải quyết quyết theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự.

[2] Anh Q có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; ông X và bà T đã được tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, giấy triệu tập tham gia phiên tòa đúng quy định của pháp luật, nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó, xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim P; xét thấy:

- Ngày 24/02/2018, ông Trần Văn X và bà Đỗ Thị Thanh T có mượn của bà Nguyễn Thị Kim P 63.000.000 đồng. Trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bà Nguyễn Thị Kim P có cung cấp tờ giấy viết tay (bút lục số 17) để chứng minh ông X, bà T có mượn của bà P số tiền 63.000.000 đồng. Bà P thừa nhận ông X, bà T có trả cho bà P được 16.400.000 đồng; còn nợ lại bà P 46.600.000 đồng.

- Do ông X, bà T chậm trả tiền, nên bà P yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng của số tiền 46.600.000 đồng, tính từ ngày 19/4/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 11/9/2024 là 04 tháng 23 ngày là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Tiền lãi được tính như sau: 46.600.000 đồng x 0,83%/tháng x 04 tháng 23 ngày = 1.843.636 đồng.

Anh Q (đại diện theo ủy quyền của bà P) yêu cầu ông X và bà T liên đới cho bà P 48.443.636 đồng, trong đó vốn 46.600.000 đồng và lãi là 1.843.636 đồng. Ông X và bà T đã được nhiều lần tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ và nội dung yêu cầu khởi kiện của bà P cho ông X, bà T; nhưng ông X, bà T vắng mặt không rõ lý do, cũng không có văn bản thể hiện ý kiến; chứng tỏ ông X, bà T đã từ bỏ quyền lợi, nghĩa vụ của mình, không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ cho bà P; nên bà P yêu cầu ông X và bà T liên đới trả lại cho bà P 48.443.636 đồng là có cơ sở; nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông X và bà T được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm, do người cao tuổi.

[5] Xét ý kiến, đề nghị của Đại diện viện kiểm sát là có căn cứ, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 463, 466; khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.
 - Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.
 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
 - Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim P.

1. Buộc ông Trần Văn X và bà Đỗ Thị Thanh T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Kim P số tiền 48.443.636 đồng (*Bốn mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi ba ngàn sáu trăm ba mươi sáu đồng*); trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả số tiền nêu trên thì phải trả lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

- Ông X và bà T được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm, do người cao tuổi.
 - Hoàn lại cho bà P 1.165.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0009500 ngày 06/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
 THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Lê Trung Hiếu